

# NGƯỜI TIỀN SỬ TRÊN ĐẤT AN GIANG

Di chỉ Gò Bông Lê huyện  
Tri Tôn, tỉnh An Giang  
(Ảnh: L.N.D)

Vùng đất An Giang có từ bao giờ? Lịch sử hình thành ra sao? Và chủ nhân của vùng đất này là ai? Rất nhiều câu hỏi đặt ra cho chúng ta khi nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử vùng đất An Giang. Những ánh sáng phát hiện mới của các nhà khoa học đã làm sáng tỏ những câu hỏi mà chúng ta đang thắc mắc.

## Dấu tích của một vùng đất cổ xưa

Những khám phá, nghiên cứu của các nhà địa chất, cổ sinh vật học đã cho thấy dấu tích của vùng đất An Giang đã có từ 10.000 năm về trước. Bắt đầu từ thời kỳ Toàn Tân (Holocene) cách ngày nay khoảng 10.000 năm đến 6.000 năm trước, lãnh thổ An Giang khi đó chìm ngập trong nước biển, nước biển đã xâm nhập toàn bộ vùng đất này, chỉ còn xuất lộ một số đỉnh núi cao ở khu vực Tịnh Biên, Tri Tôn, và những đỉnh núi này nổi lên giống như những cụm đảo mà thôi. Ngoài ra, chúng ta còn khám phá được rằng có những vĩa sò, ốc biển có quy mô lớn ở khu vực Vọng Đông, Vọng Thê (huyện Thoại Sơn) được xác định niên đại tuyệt đối với độ tuổi lâu đời từ 4.870 cho đến 5.680 năm cách ngày nay. Như vậy, khẳng định khoa học trước tiên cho chúng ta thấy, trong quá khứ vùng đất An Giang từng là vịnh biển cổ nơi mà hải xâm hải thoái xâm nhập. Trải qua suốt thời gian dài, mãi tới khoảng 4000 năm cách ngày nay, biển lùi, mực nước biển rút nhanh, An Giang đã dần lộ rõ diện mạo địa hình của mình với sự đa dạng địa sinh thái như núi non, đồng bằng, đầm lầy và sông ngòi. Qua khảo sát khu vực núi Chóc, núi Ba Thê, núi Cô Tô, kinh Trà Sư đã phát hiện ra lớp trầm tích bùn nhão xám xanh, thời kỳ vùng đất An Giang có sự thay đổi diện mạo của mình, mặt bằng châu thổ dần tạo thành đầm lầy trũng được bồi

## LA NGỌC DIỆP – TẠ VĂN SANG

đắp và hướng ra biển theo hướng Đông Nam. Và cũng chính từ đó, người tiền sử cổ đã xuất hiện trên vùng đất mới này để định cư, tìm kiếm nguồn sống của mình khoảng 3000 năm về trước.

## Người tiền sử khám phá, chinh phục vùng đất An Giang

Những cư dân tiền sử cổ đầu tiên đã đến khai phá, định cư và chinh phục vùng đất An Giang. Qua nhiều bằng chứng để lại cho thấy họ di chuyển bằng thuyền bè từ vùng sông Đồng Nai, men theo các sông lớn, kinh rạch qua nhiều vùng như Long An, Đồng Tháp rồi đến với An Giang. Ban đầu họ định cư ở những vùng đất cao như: Gò Cây Tung, Gò Cây Sung, Phum Quao, Núi Voi (Tịnh Biên), Núi Nổi, Khánh Bình (An Phú), Cô Tô, Ô Lôm, Gò Me – Gò Sành (Tri Tôn), Núi Sam, Vĩnh Đông (Châu Đốc), hang Núi Sập, Núi Ba Thê (Thoại Sơn), sau đó họ mới tiến xuống chinh phục những khu vực thấp trũng hơn như Chòm Cây Gáo, ruộng bấp Phú Xuân (Phú Tân), Đá Nổi, Ốc Eo, Mỹ Phú Đông (Thoại Sơn), Nhơn Mỹ, Nhơn Hưng (Chợ Mới)... Sự phát hiện dày đặc của hàng loạt các điểm di chỉ khảo cổ học giai đoạn tiền sử tại An Giang đã cho thấy sự gia tăng dân số nhanh của nhiều nhóm cư dân cổ trên vùng đất mới này, họ đã thích nghi với điều kiện sống nhiều dạng địa hình, cư trú trong thời gian lâu dài tại đây và trở thành những chủ nhân của vùng đất An Giang cổ.

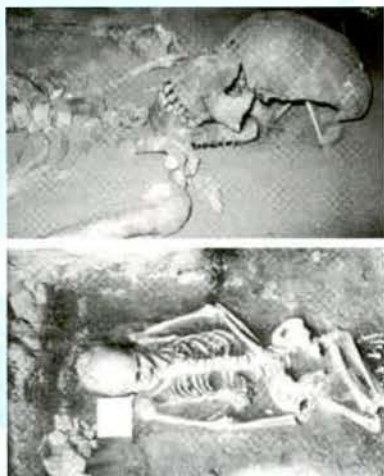
Và buổi đầu định cư trên vùng đất An Giang, ắt hẳn những cư dân tiền sử cũng trải qua nhiều khó khăn và thách thức, nhất là phải đối diện với rừng rậm, đầm lầy khắc nghiệt, chống chọi với thú dữ để



tìm kiếm nguồn lương thực cho sự tồn tại của chính mình. Những tàn tích động vật cổ tìm thấy khá nhiều trong các di chỉ khảo cổ học tiền sơ sử tại đây như xương răng hổ báo, trâu bò, lợn rừng, voi, cá sấu... là minh chứng rõ nhất cho việc săn bắt thú rừng của những cư dân cổ. Để tồn tại lâu dài, tìm kiếm nguồn sống cho mình tại vùng đất An Giang, các cư dân cổ sử dụng công cụ chế tác bằng đá như rìu, cuốc, bôn, đục... với nhiều kích cỡ khác nhau và được mài nhẵn bóng toàn thân, mài lan thân hay chỉ mài phần rìa lưỡi cho sắc cạnh để hỗ trợ cho phương thức săn bắt hái lượm của mình. Qua các cuộc khai quật tại di chỉ Gò Cây Tung, Gò Cây Sung, Phum Quao (Tịnh Biên) đã tìm thấy bộ sưu tập công cụ đá tương đối lớn với nhiều loại hình và chất liệu đá khác nhau có niên đại hơn 2500 năm đã khẳng định truyền thống rìu đá đã được cư dân cổ ở đây sử dụng thuần thực và lâu dài trong đời sống sinh hoạt thường ngày của họ. Ngoài việc săn bắt thú rừng, những cư dân cổ ở đây còn biết đến nghề chài lưới, đánh bắt cá, nhuyễn thể biển... qua nhiều tàn tích phát hiện tại di chỉ Lò Mo (Châu Phú), Vọng Đông (Thoại Sơn), Vĩnh Đông (Châu Đốc). Cùng với đó là nguồn thức ăn từ các loại thực vật do việc hái lượm mà có được. Đặc biệt hơn, ở giai đoạn sớm, những cư dân cổ đã sử dụng những loại lúa trời, lúa ma để làm lương thực, nhiều mảnh vỏ trấu, lúa còn tìm thấy được trên các mảnh đồ gốm sớm tại các di chỉ khảo cổ thời tiền sử trên vùng đất An Giang. Các nguồn thức ăn này đóng vai trò quan trọng và chủ yếu trong suốt thời gian tồn tại của người tiền sử An Giang. Một điều đáng lưu ý là các cư dân cổ nơi đây đã biết làm đồ gốm để dùng cho việc nấu chín thức ăn, có lẽ ngay từ khi đặt chân tới họ đã biết đến kỹ nghệ làm gốm, đồ gốm tìm thấy khá nhiều nhưng không còn nguyên vẹn mà chỉ là mảnh vỡ của nôi, vò,

binh, bát... Đồ gốm được những cư dân cổ làm từ chất liệu thô, sét kết hợp bã thực vật, nhuyễn thể với độ nung khoảng 650°C – 750°C, kết hợp trang trí với văn thừng, văn chải, răng lược... Có thể nói rằng, đồ gốm là một thành tựu nổi bật trong đời sống văn hóa vật chất của cư dân tiền sử An Giang.

Bên cạnh đời sống văn hóa vật chất, những cư dân tiền sử sinh sống trên vùng đất An Giang còn chú trọng đến đời sống tinh thần, đầu tiên phải kể đến là nhu cầu thẩm mỹ, làm đẹp của mình, việc tìm thấy nhiều vòng đeo bằng đá, có cả lõi vòng (di chỉ Gò Cây Tung, Phum Quao, Tân Lợi...), vòng đeo bằng xương cá, vòng gốm, bùa đeo (Lò Mo, Rạch Cần Thảo) là minh chứng cụ thể nhất. Cùng với nhu cầu làm đẹp, cư dân cổ còn có trò chơi như lò cò, bắn đạn qua việc tìm thấy nhiều mảnh gốm ghè nhẵn bóng, những viên bi nhỏ (di chỉ Cô Tô, Gò Cây Sung...), đây là yếu tố cần thiết trong đời sống của họ, những người lớn đi tìm kiếm nguồn thức ăn sinh hoạt hàng ngày, những đứa trẻ thì ở nhà. Một khía cạnh khác cũng ảnh hưởng khá nhiều đến văn hóa tinh thần của cư dân tiền sử An Giang chính là cách táng thức người chết. Những cư dân cổ bản địa quan niệm có một thế giới bên kia dành cho người chết, nghĩa là người chết khi về bên kia thế giới họ vẫn tiếp tục hành trình sống của mình nên họ chôn kèm theo nhiều đồ tùy táng như nôi, vò, đồ trang sức, công cụ lao động... Về cách táng thức, cho đến nay qua những bằng chứng khảo cổ học đã xác định hai loại hình táng thức chủ yếu là mộ huyết đất và mộ vò gốm. Trong đó, mộ huyết đất chiếm ưu thế, đầu tiên đào một huyết mộ hình chữ nhật, độ sâu khoảng chừng 0,5m đến 1m, sau đó đặt thi thể người chết duỗi thẳng, mình hơi nghiêng, chân hơi co lại (trường hợp Gò Cây Tung), đeo vòng tay, hai bên để nhiều vật dụng sinh hoạt kèm theo, nhiều hay ít tùy



Mộ huyết đất có chôn di cốt người phát hiện ở Gò Cây Tung



Mộ chum di tích Nam Linh Sơn

Ảnh: TL



vào vị thế của người dó. Đối với mộ vò gốm, đây là cách táng thức phổ biến của những cư dân ven biển, ở An Giang mới phát hiện được 2 vò gốm, việc phát hiện mộ vò dù không đáng kể nhưng có thể thấy rằng, ở thời kỳ sớm An Giang có lẽ đã tồn tại tục táng thức bằng chum vò, nhưng không hóa thiêu như trường hợp mộ chum Nam Linh Sơn Tự (Thoại Sơn) mà là giữ nguyên di cốt người chết và chôn theo kiểu bó gói với ý niệm nguyên thủy, nghĩa là đứa trẻ sinh ra từ trong bụng mẹ thì khi mất đi sẽ trở về với tư thế ban đầu của nó. Đây chỉ là những bằng chứng bước đầu để tìm hiểu phong tục táng thức của cư dân tiền sử An Giang, hy vọng rằng trong tương lai sẽ có nhiều phát hiện mới để làm rõ hơn về truyền thống mai táng của cư dân bản địa tại đây.

Như vậy, có thể thấy rằng: vùng đất An Giang ngay từ rất sớm đã có sự tồn tại của những cư dân tiền sử, họ đến đây để khai phá, chinh phục vùng đất mới còn hoang sơ với nhiều rừng rậm, kinh rạch, địa bưng... Trải qua thời gian dài sinh sống, những cư dân nơi đây đã tạo dựng cho mình một đời sống văn hóa vật chất đa dạng với việc khai thác, săn bắt, thuần dưỡng động vật, cũng như tận dụng nguồn lợi từ thực vật đem lại, làm đồ gốm dùng cho sinh hoạt hàng ngày...

Bên cạnh đời sống văn hóa vật chất, thì đời sống văn hóa tinh thần ngày càng được chú trọng hơn như tính thẩm mỹ trong việc làm đẹp, lựa chọn chất liệu làm đồ trang sức, các trò chơi dân gian, quan niệm về thế giới người chết... đã làm cho không gian văn hóa của người tiền sử trên vùng đất An Giang độc đáo hơn, chuẩn bị cho bước chuyển mình từ thời kỳ Đồ đá mới sang thời kỳ Kim khí – giai đoạn Sơ sử với sự xuất hiện của nền văn hóa Óc Eo rực rỡ bản địa./.

L.N.Đ – T.V.S

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bay and Don 1992, "Models scenarios, variables and suppositions: Approches to the rise of social complexity in mainland S.E.A 700BC – 500AD", in Glover I. A, Pornchai Suchitta, tr 13 – 38.
2. Bellwood P 1991, "Southeast Asia before history", In the Cambridge History of Southeast Asia, vol 1, part 1, tr 55 – 136.
3. Hà Văn Tấn 1984, Óc Eo – Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh, trong Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng Cửu Long, Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, tr. 222-231.
4. Hoàng Ngọc Kỳ (2010), Địa chất và môi trường đệ tứ Việt Nam, Khoa học và Kỹ thuật.
5. La Ngọc Diệp (2016), Tư liệu khảo sát nghiên cứu thực địa tại An Giang từ năm 2014 – 2016.
6. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường 1990. Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Ottabé Tadaio 1988, Con đường lúa gạo, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

## GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG... (Tiếp theo trang 7)

Hùng, Bác Hồ đã nói: *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước/Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*.

Trải qua mấy nghìn năm, qua bao biến cố của lịch sử, Đền Hùng - nơi cội nguồn của dân tộc luôn là biểu tượng văn hóa, tinh thần độc lập, tự chủ dân tộc và văn hóa của các dân tộc Việt Nam. Ngoài ra, biểu tượng Đền Hùng – Giỗ tổ Hùng Vương còn là nơi để nhớ về huyết thống của các dân tộc ở Việt Nam trong quá trình lập quốc và phân cư *"mang gươm đi mở cõi"* từ miền ngược đến miền xuôi.

Với tầm quan trọng của lễ hội trong tâm thức các dân tộc Việt Nam và ý nghĩa lịch sử của lễ hội, ngày 6/12/2012, *"Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ"* đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của

nhân loại. Sự công nhận của thế giới về tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng chính là sự đánh giá tầm quan trọng và ý nghĩa của một dân tộc luôn biết gìn giữ văn hóa và lịch sử nguồn cội của dân tộc.

Có thể nói, Giỗ tổ Hùng Vương bao hàm giá trị lịch sử và giá trị văn hóa. Giỗ tổ Hùng Vương là dịp để chúng ta nhìn nhận lại tiến trình lịch sử của dân tộc; để cộng đồng dân tộc Việt Nam hiểu được công lao của các bậc tiền nhân đã dày công xây dựng, từ đó nâng cao niềm tự hào dân tộc, nhắc nhở toàn thể cộng đồng dân tộc Việt Nam phải biết giữ gìn văn hóa, giữ gìn độc lập, tự do của dân tộc như *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước"*. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một sợi chỉ đỏ nối kết quá khứ với hiện tại cho các thế hệ người Việt Nam.

Tự hào với giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, hướng về cội nguồn, tri ân công đức tổ tiên, mỗi người con đất Việt phải luôn có trách nhiệm giữ gìn những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống và đoàn kết các dân tộc Việt Nam. Cùng nắm tay nhau gìn giữ bờ cõi, toàn vẹn chủ quyền đất nước trước bối cảnh khu vực và thế giới; cùng nhau giới thiệu những phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân tộc Việt Nam đến khắp mọi miền đất nước và ra thế giới... như các Vua Hùng và lịch sử dân tộc Việt Nam đã làm nên trong quá trình lập quốc và xây dựng đất nước trong mọi bối cảnh lịch sử-xã hội. Sức mạnh và tinh thần dân tộc đó đã hòa quyện vào câu nói của Bác Hồ - người Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới: *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước/Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*./.

L.L